

TAND Q. NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 03/3/2022

“V/v tranh chấp
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Qun

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ B Trần Thị Dung

2/ B Đỗ Thị Lệ Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* B Trần Thị Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần Thơ:* B L Thị Nga
- Kiểm st vin tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2018/TLSTDS ngày 24 tháng 7 năm 2018 “Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Lê Văn T, sinh năm 1950.

- B Trần Thị Bích V, sinh năm 1954

Nơi cư trú: 2/89 Mậu Thn, phường A, quận N, Tp. C.

Người đại diện theo ủy quyền: B L Ngn K, sinh năm 1995 (Hợp đồng ủy quyền ngày 05/4/2018).

Địa chỉ: 130/3 ấp L1, x L, huyện L, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư V Thi H – Công ty luật HD, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (B K và Luật sư xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1968. Cĩ mặt

Nơi cư trú: 26B, khu tập thể T82 đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ N:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2018, ông Lê Văn T, b Trần Thị Bích V trình bày:

Phần đất thuộc bằng khoán điền thổ số 460, tờ bản đồ số 02, lô 307 - tọa lạc x Th, thnh phố C cũ (nay là phường A, quận Ninh K) cấp cho ông

Lê Văn H đứng tên. Sau năm 1975, một phần đất do Quận 9 quản lý, cịn lại một phần nằm trong quy hoạch xây dựng khu nh ở cho Công an Cần Thơ, gồm 32.500 m².

Đến năm 1998, UBND tỉnh Cần Thơ có Quyết định số 356/1998/QĐ-UBND ngày 23/02/1998, quyết định trả phần đất 13.193 m² cho các hộ đang sử dụng theo hiện trạng (trong đó có 03 hộ được giao trả đất là hộ ông Lê Văn B, hộ ông L Văn L, hộ ông Lê Văn H - do ông T thừa kế). Cụ thể: phần đất ông B 1 1.964,58 m², phần đất ông L (do Lê Văn Giới) nhận 2.491,27 m²; phần đất của ông H 1 8.737,15 m². Phần đất gia đình ông b được trả lại là 3.880,57 m² (chỉ mới hợp thức hóa được 3.639,6 m²), phần cịn lại vẫn bị các hộ dân khác chiếm dụng bất hợp pháp, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn Lâm (là cha vợ ông Huỳnh Văn Đ). Ông Đ nhiều lần xin hợp thức hóa quyền sử dụng 1.500 m² đất theo Quyết định của UBND tỉnh Cần Thơ, nhưng ông Đ gây khó khăn, cản trở đoàn đo đạc.

Nay yêu cầu ông Huỳnh Văn Đ trả lại phần đất diện tích khoảng 1.500 m² – tọa lạc đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn và Luật sư xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Huỳnh Văn Đ trả lại phần đất diện tích 1.500 m²; đồng thời yêu cầu đo đạc bổ sung phần đất tranh chấp.

Ý kiến của ông Đ: Phần đất nguyên đơn khởi kiện tranh chấp cũ nguồn gốc 1 của Quận 9 cấp cho ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn Đ1) và bà Du Thị A, cha mẹ vợ ông (ông L, bà A) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Lâm mất (chết) vào ngày 19/11/2017, bà nh mất vào ngày 11/10/2016, không để lại di chúc và cũng không chuyển nhượng đất cho ai hết.

Cha mẹ vợ có 04 người con: Nguyễn Thị Ánh Đ2, Nguyễn Thị nh L, Nguyễn Vũ L1 và Nguyễn Vũ H1. Ông 1 con rể (chồng Nguyễn Thị nh L), nn nguyên đơn khởi kiện ông là không đúng đối tượng, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định. Tuy nhiên, vụ n vi phạm thời hạn xét xử tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L, trước khi chết ông L không tặng cho, di chúc hoặc chuyển nhượng cho ai. Lúc cịn sống ông L chỉ ủy quyền cho ông Đ đại diện tham gia tố tụng, chứ không ủy quyền cho đất. Sau đó, ông L chết, nn ủy quyền không cịn hiệu lực theo quy định tại Điều 140 Bộ luật dân sự (ông Đ không cịn đại diện theo ủy quyền của ông L); sau đó bà Ánh cũng chết nhưng phía nguyên đơn không khởi kiện các thừa kế (các con) của ông Lâm, bà A 1 Nguyễn Thị Ánh Đ1, Nguyễn Thị Ánh L, Nguyễn Vũ L1 và Nguyễn Vũ H1 mà khởi kiện ông Đ là không đúng đối tượng khởi kiện.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TỌA N:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết v quan hệ ph pháp luật tranh chấp:

Bị đơn cư trú tại quận Ninh K và đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, nn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tịa n nhn dn quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[2]. Về tố tụng: Người đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về đối tượng khởi kiện:

Ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn Đ2) và bà Du Thị A cũ công cch mạng, sau khi đất nước thống nhất ông b được nhà nước cấp đất sử dụng.

Năm 1983, ông b được Ủy ban nhn dn (UBND) tỉnh Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00550 ngày 24/02/1999 diện tích 1.038 m² (thửa 67), diện tích 607 m² (thửa 68), tờ bản đồ số 10 (BL162).

Sau đó, ông Lê Văn T địi lại phần đất gia đình ông Lm đang sử dụng. UBND tỉnh Cần Thơ, UBND thành phố Cần Thơ ban hành nhiều văn bản giải quyết tranh chấp đất giữa hai bn. Sự việc tranh chấp được kết thúc bằng Quyết định số 2894/QĐ-UBND ngày 12/9/2013 của UBND thành phố Cần Thơ, chấp nhận nội dung khiếu nại và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Văn Lâm....

Không dừng lại ở đó, phía ông T tiếp tục khởi kiện ông Nguyễn Văn L ra chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thnh. Tuy nhiên, sau đó phía ông T lại khởi kiện ông Huỳnh Văn Đ ra Tịa n, buộc ông Đ trả đất là không đúng đối tượng, bởi lẽ phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp ph pháp của ông Nguyễn Văn L đứng tên sử dụng, chứ không phải của ông Đ.

Ông Lm chết vo 19/11/2017, b nh chết vo ngy 11/10/2016 (Theo Trích lục khai tử số 1245/TLKT-BS ngy 26/12/2017 v theo Trích lục khai tử số 860/TLKT-BS ngy 16/10/2019 của UBND phường A, quận N, thành phố C).

Trước khi chết, ông L, bà A không để lại di chch hoặc chuyển nhượng cho bất cứ ai, nn di sản của ông L, b A được chia cho hàng thừa kế nhất theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hng thừa kế thứ nhất của ông L, b A, gồm: Nguyễn Thị Ánh Đ1, Nguyễn Thị Ánh L, Nguyễn Vũ L1 v Nguyễn Vũ H1. Ông Huỳnh Văn Đ chỉ l con rể (không phải là người thừa kế của ông L, bà A), do đó nguyên đơn khởi kiện ông Đ là không đúng đối tượng, nên không có cơ sở chấp nhận.

Vấn đề yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ và đo đạc bổ sung: Qu trình giải quyết vụ n, Tịa n đ tiến hnh xác minh và đo đạc – tại Bản trích đo địa chính số 110/TTKTTNMT ngày 31/10/2019 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ, xác định thửa đất 67 có diện tích 996.1 m² l thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn L, chứ không phải của ông Huỳnh Văn Đ, nên đại diện nguyên đơn yêu cầu đo đạc bổ sung l không cần thiết v ý kiến của Luật sư là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn đã trên 60 tuổi, nên được miễn án phí.

[5]. Về tạm ứng án phí: Căn cứ Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn được nhận lại 4.687.500 đồng (theo Bồi lai thu số 001540 ngày 16/7/2018- BL40).

[6]. Về chi phí đo đạc: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp 5.100.000 đồng (Phiếu thu ngày 06/12/2018, ngày 31/11/2019 - BL209, 228), nguyên đơn chịu (đã chi phí hết).

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được miễn án phí.

Về tạm ứng án phí: Căn cứ Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn được nhận lại 4.687.500 đồng (theo Bồi lai thu số 001540 ngày 16/7/2018).

Về chi phí đo đạc: Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp 5.100.000 đồng (Phiếu thu tiền ngày 06/12/2018, ngày 31/11/2019), nguyên đơn chịu - đã chi phí hết.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- THADS quận Ninh Kiều;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quân

